

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC THỰC HIỆN BA ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Nguyễn Kế Tuấn\*

*Trong đánh giá tình hình phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2001- 2010, Đại hội Đảng lần thứ XI (2011) đã nêu rõ: “Thể chế kinh tế thị trường, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển”. Từ đó, Đại hội đã xác định ba đột phá chiến lược giai đoạn 2011– 2020 là: “(1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011, trang 106).*

*Hiện đang tồn tại những ý kiến khác nhau đánh giá kết quả hai năm rưỡi triển khai thực hiện ba đột phá này. Trong khi có ý kiến cho rằng “Các đột phá chiến lược được triển khai tích cực, đồng bộ và đã thu được một số kết quả bước đầu”, cũng có ý kiến đánh giá “ba đột phá chiến lược còn đang trong giai đoạn khởi động với khá nhiều bất cập”.*

*Bài này trình bày tóm lược một số công việc đã triển khai thực hiện các trọng tâm của ba đột phá chiến lược trong hai năm rưỡi vừa qua, đưa ra những đánh giá về kết quả, những khó khăn hạn chế và đề xuất giải pháp mang tính điều kiện để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ mang trọng yếu này.*

**Từ khóa:** thể chế kinh tế thị trường; nguồn nhân lực; hệ thống kết cấu hạ tầng; các trọng tâm của đột phá chiến lược; đổi mới tư duy.

## 1. Những công việc đã triển khai thực hiện

Theo chương trình hoạt động của cả khóa, Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI đã có những hội nghị chuyên đề thảo luận các đề án khác nhau cụ thể hóa nhiệm vụ thực hiện ba đột phá chiến lược. Trước khi đưa ra thảo luận, mỗi đề án đều có thời gian chuẩn bị khá dài với nhiều cuộc hội thảo được tổ chức để thu thập ý kiến của các chuyên gia và của các tầng lớp nhân dân. Dù vậy, không phải đề án nào cũng bảo đảm chất lượng để được thông qua dưới hình thức một Nghị quyết.

*Hội nghị lần thứ 4 (12/2011) đã thảo luận và thông qua một đề án liên quan đến khâu đột phá thứ ba. Đó là Đề án “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.*

*Hội nghị lần thứ 6 (10/2012) đã thảo luận một số đề án liên quan đến các khâu đột phá thứ nhất và thứ ba. Đó là: Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Đề án “Đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai”; Đề án “Đổi*

*mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”... Tuy nhiên, Đề án về giáo dục và đào tạo đã không được Hội nghị thông qua. “Ban Chấp hành Trung ương cho rằng đây là vấn đề lớn, hệ trọng và phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau, do đó cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết, bàn bạc một cách thấu đáo, cẩn trọng, tạo sự thống nhất cao để ban hành nghị quyết vào một thời điểm thích hợp” (Thông báo Hội nghị Trung ương 6 khóa XI, 2012).*

*Hội nghị lần thứ 7 (5/2013) đã thảo luận Báo cáo việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân. Với vị trí là đạo luật cơ bản của quốc gia, những quy định của Hiến pháp sửa đổi sẽ tạo nền tảng mới cho việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quy định pháp luật khác.*

*Ở phạm vi địa phương, Nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương về*



phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trong những năm này (2011- 2013) đều có những nội dung thể hiện chủ trương, phương hướng và giải pháp thực hiện ba đột phá chiến lược ở địa phương mình.

Với trách nhiệm thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, *các cơ quan quản lý nhà nước* cũng đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện ba đột phá chiến lược.

Với vai trò cơ quan lập pháp, *Quốc hội* khóa XIII đã thảo luận và thông qua một số đạo luật mới và sửa đổi, bổ sung một số đạo luật liên quan đến hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phát triển nguồn nhân lực. Đó là: Luật Đo lường (6/1012); Luật Bảo hiểm tiền gửi (6/2012); Luật Giáo dục đại học (6/2012); Luật Giá (6/2012); Bộ luật Lao động (6/2012); Luật Quảng cáo (6/2012); Luật Hợp tác xã (11/2012); sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế (11/2012); sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (6/2013); sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (6/2013); Luật Khoa học công nghệ (6/2013)...

Việc “*Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế*” được đặt như một trong các nội dung trọng tâm trong các *Nghị quyết của Quốc hội* về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm, cũng như trong *Nghị quyết của Chính phủ* về các giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách hàng năm. Nghị quyết của Chính phủ còn xác định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thực hiện các nội dung của ba đột phá chiến lược...

Trong các năm 2011- 2013, Chính phủ đã ban hành một loạt văn bản liên quan đến thực hiện ba đột phá chiến lược. Đó là: Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020 (Quyết định số 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011); Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011); Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020 (Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012); Chiến lược (điều chỉnh) phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược (điều chỉnh) phát triển giao thông đường bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (các Quyết định số 355/QĐ-TTg và số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013); Quy hoạch (điều chỉnh) phát triển giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đến năm

2020, tầm nhìn sau năm 2020 (Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 8/4/2013)...

Từ những nội dung trình bày khái quát trên đây có thể thấy, chủ trương thực hiện ba đột phá chiến lược đã được quán triệt tới tất cả các cấp ủy Đảng và chính quyền. Hàng loạt nghị quyết và văn bản pháp quy đã được xây dựng làm cơ sở cho việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng yếu này.

## 2. Những kết quả và hạn chế trong bước đầu thực hiện ba đột phá chiến lược

Trong những năm 2011- 2013, kinh tế thế giới và kinh tế trong nước tiếp tục có những diễn biến theo chiều hướng bất lợi. Nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ trong chỉ đạo điều hành kinh tế vĩ mô được xác định là “*Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội*”. Các nội dung của ba đột phá chiến lược được gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đó. Trong gần ba năm này, việc thực hiện các nội dung của ba đột phá chiến lược đã mang lại một số kết quả bước đầu, nhưng cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết để thực sự giải tỏa các điểm nghẽn cản trở sự phát triển đất nước.

Dưới đây không đề cập toàn diện kết quả bước đầu thực hiện ba đột phá chiến lược, mà chỉ *tập trung vào các trọng tâm của mỗi khâu ấy.*

Về “*Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính*”.

Cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế là một trong các nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường và “*tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng*” là một trong những chức năng cơ bản của Nhà nước trong quản lý kinh tế vĩ mô. Ở Việt Nam, các chủ thể kinh tế hoạt động trong một môi trường cạnh tranh không bình đẳng đã tồn tại nhiều năm. Cả trong nội dung nhiều cơ chế, chính sách của Nhà nước và cả trong tổ chức thực hiện đang tồn tại sự phân biệt đối xử theo hướng giành ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hoạt động kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước và hạn chế việc phát huy năng lực của khu vực ngoài nhà nước. Việc ban hành Luật Doanh nghiệp (2005) và Luật Đầu tư (2005) hướng tới tạo lập môi trường pháp lý bình đẳng trong hoạt động kinh doanh và đầu tư của các chủ thể kinh tế. Tuy nhiên, đến nay sau hơn 7 năm các đạo luật này có hiệu lực thi hành, “*tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng*” vẫn là mong muốn, tình trạng phân biệt đối xử vẫn tồn tại. Theo kết quả khảo sát xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2012 do Phòng Thương mại và Công

ng nghiệp Việt Nam công bố vào tháng 3/2013, nhiều doanh nghiệp bày tỏ quan ngại về việc chính quyền tại hầu hết các địa phương vẫn còn đối xử bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Theo đó, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước mới cổ phần hóa được chính quyền tinh ưu ái hơn so với các doanh nghiệp tư nhân trong các lĩnh vực hoạt động liên quan đến tiếp cận đất đai, vốn tín dụng ưu đãi từ gói kích thích của Chính phủ, các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư và kinh doanh (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2013).

Cũng xin nói thêm rằng, các doanh nghiệp nhà nước hiện đang chi phối gần 70% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư nhà nước, 60% tín dụng của các ngân hàng thương mại, thì lại chỉ đóng góp được khoảng 37– 38% GDP của cả nước. Bức tranh tài chính của các doanh nghiệp nhà nước nói chung là không sáng sủa, thậm chí ở một số doanh nghiệp bị coi là “ảm đạm”: cơ cấu tài chính bấp bênh, nợ phải trả cao gấp nhiều lần vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán không được bảo đảm.

*Cải cách hành chính* là vấn đề bức xúc được đặt ra từ nhiều năm nay. Trong giai đoạn 2001– 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt thực hiện “Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010”<sup>1</sup>. Mục tiêu chung của Chương trình được xác định là: “Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Đến năm 2010, hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Sau 10 năm thực hiện, tuy Chương trình này mang lại một số kết quả tích cực nhất định, nhưng đến nay, những căn bệnh cũ của nền hành chính nhà nước hầu như chưa được chẩn trị một cách cơ bản. Nền hành chính nhà nước còn mang nặng dấu ấn của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ chế quản lý mới và yêu cầu phục vụ nhân dân, hiệu lực và hiệu quả quản lý còn thấp. Mục tiêu đặt ra cho Chương trình hầu như đã không thực hiện được. Những yếu kém trong nền hành chính nhà nước vẫn là một điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước. Hơn nữa, những yếu kém kéo dài này gắn liền với tệ lãng phí, tham nhũng có xu hướng gia tăng và là một trong những nguyên nhân làm giảm sút lòng tin với sự lãnh đạo của Đảng và quản

lý, điều hành của Nhà nước.

Thời gian gần đây, một số quy định của cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành hoặc lấy ý kiến đóng góp đã vấp phải phản ứng mạnh mẽ từ công luận vì không phù hợp với điều kiện thực tế cuộc sống. Dự luận xã hội gọi là những quy định “từ trên trời” do những người “ngồi trên trời ra chính sách”<sup>2</sup>.

*Về “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ”*.

Những việc được thực hiện trong năm 2011– 2013 về thực hiện trọng tâm “*Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*” chưa nhiều, chủ yếu tập trung vào những khuyến nghị về đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, học tập và tổ chức thi cử... với nhiều ý kiến khác biệt nhau. Đề án “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Ban Tuyên giáo Trung ương chuẩn bị để Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI đã không được thông qua.

Khoảng thời gian hai năm rưỡi là quá ngắn ngủi để đánh giá những kết quả tích cực và hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm “*đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*”. Đặt trong cả quá trình nhiều năm, những thành tựu trong việc phát triển nhanh về quy mô giáo dục và mạng lưới các cơ sở giáo dục- đào tạo góp phần cung cấp lực lượng lao động phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội là không thể phủ nhận. Tuy nhiên đến nay, giáo dục- đào tạo và khoa học công nghệ vẫn chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, chưa trở thành động lực quan trọng nhất cho phát triển. Những hạn chế, yếu kém của giáo dục- đào tạo đã được nêu từ nhiều năm nay vẫn chưa được khắc phục cơ bản, thậm chí có mặt lại nặng nề hơn: chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp; mâu thuẫn giữa tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo có xu hướng ngày càng gay gắt; nội dung giáo dục nặng về lý thuyết, chưa gắn với thực tế, nặng về dạy chữ chưa chú trọng dạy người; phương pháp dạy và học chậm được đổi mới, chưa thực sự hướng tới phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; bất bình đẳng trong thụ hưởng dịch vụ giáo dục- đào tạo có xu hướng gia tăng; còn tồn tại nhiều hiện tượng tiêu cực trong cả đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh;...





Về “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn”.

Từ nhiều năm nay, đầu tư phát triển hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị luôn được xác định là một trong những mục tiêu ưu tiên. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, Nhà nước đã có chủ trương, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước dưới nhiều hình thức khác nhau cho mục tiêu này.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và yêu cầu cắt giảm đầu tư công của các năm 2010-2013, đầu tư phát triển hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị vẫn được xếp vào hạng mục ưu tiên<sup>3</sup>. Nhờ đó, hệ thống giao thông tiếp tục được phát triển toàn diện cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không. Sự phát triển ấy đã góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Tuy nhiên, hệ thống giao thông vẫn thấp xa so với yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. So với các nước tiên tiến trong khu vực, hệ thống giao thông của Việt Nam chỉ ở mức dưới trung bình. Hệ thống giao thông đường bộ có tiêu chuẩn kỹ thuật ở mức thấp và lạc hậu; chưa bảo đảm sự liên kết giữa các tuyến đường và các tuyến nối cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế; mạng đường cao tốc còn sơ khai. Chưa hình thành được mạng lưới đường sắt với các tuyến đường dẫn đến các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển; nhiều giao cắt giữa đường sắt với đường ngang dân sinh. Hệ thống cảng biển còn dàn trải; dịch vụ của các cảng biển còn thấp, chi phí dịch vụ cao, thời gian thông quan lâu, chưa có cảng trung chuyển quốc tế. Một số cảng hàng không quốc tế bị quá tải, khả năng tiếp nhận hành khách thấp, chất lượng dịch vụ chưa cao... Ngoài khó khăn về vốn đầu tư, hầu như tất cả các dự án phát triển giao thông đều gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng, làm chậm tiến độ thi công. Thật ra, không thể có những đột phá trong thực hiện trọng tâm về xây dựng hệ thống giao thông trong khoảng thời gian ngắn ngủi hai năm rưỡi. Những công việc đang triển khai theo hướng chỉ đạo tập trung và quyết liệt vào những công trình trọng điểm có thể hứa hẹn những chuyển biến tích cực trong phát triển hệ thống giao thông trong thời gian tới.

Hạ tầng đô thị lớn, chủ yếu là ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tuy được chú trọng đầu tư xây dựng mới và nâng cấp cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nhưng không theo kịp tốc độ đô thị hóa nhanh, đang tồn tại nhiều bất cập cản trở phát triển kinh tế và bảo đảm chất lượng cuộc sống của dân

cư, trong đó nổi bật là hạ tầng giao thông, cấp thoát nước và trường học các cấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị lớn có xu hướng gia tăng. Trong các năm 2011– 2013, trong khi một số công trình giao thông đô thị mới được đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng tích cực, thì việc thi công các công trình trọng điểm lại bị chậm trễ (hệ thống đường sắt trên cao và tuyến metro của Hà Nội; tuyến metro của Thành phố Hồ Chí Minh).

Những hạn chế trong một số mặt trọng tâm của ba đột phá chiến lược nêu trên đều là những vấn đề cũ đã tồn tại từ nhiều năm nay. Sẽ là không thực tế nếu đòi hỏi sau một thời gian ngắn triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng yếu này có thể có được những thay đổi cơ bản. Cũng không thể phủ nhận nỗ lực to lớn của Nhà nước trong việc phải thực hiện đồng thời những nhiệm vụ đều hết sức cấp bách: vừa phải tập trung thực hiện kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, vừa phải thực hiện các đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tuy nhiên, ngoài một số văn bản của các cấp ủy Đảng và chính quyền đã ban hành, những kết quả thực tế trong thực hiện các trọng tâm của ba đột phá chiến lược trong gần ba năm qua còn khá ít ỏi, phần lớn những kết quả nhìn thấy được trong thực tế về phát triển hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị đều là những kết quả gởi đầu từ những năm trước. Nói cách khác, việc triển khai thực hiện ba khâu đột phá chiến lược vẫn chưa qua được bước “khởi động”.

### 3. Đổi mới tư duy và việc thực hiện các trọng tâm của ba đột phá chiến lược

Thực hiện ba đột phá chiến lược là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp. Tính chất “chiến lược” của ba đột phá này, một mặt, thể hiện tầm cỡ của nhiệm vụ mà khi thực hiện có hiệu quả sẽ “làm chuyển động mạnh mẽ toàn bộ tình hình kinh tế- xã hội của đất nước theo hướng đã định”; mặt khác, nhiệm vụ này không phải được thực hiện trong ngắn hạn, mà bao quát cả thời kỳ chiến lược theo một lộ trình nhất định. Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện ba đột phá chiến lược còn phải đặt trong sự kết hợp chặt chẽ với thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý và bảo đảm an sinh xã hội, cũng như với nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Trong hệ thống các vấn đề cần nghiên cứu giải quyết các nhiệm vụ này, xin đề cập một số ý kiến về đổi mới tư duy tạo nền tảng cơ bản để thực hiện ba khâu đột phá chiến lược giai đoạn 2011– 2020.

Thực tế cho thấy, công cuộc đổi mới do Đại hội

Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra *bắt nguồn từ đổi mới tư duy*. Trên cơ sở đổi mới tư duy kinh tế, Việt Nam đã xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang cơ chế thị trường với sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Đó là yếu tố cơ bản đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tạo đà cho bước phát triển mới, cao hơn. Quá trình này đã vấp phải vô vàn khó khăn cản trở của tư duy, quan điểm cũ vốn đã ăn sâu trong tâm trí nhiều người.

Đánh giá kết quả thực hiện “đột phá các lĩnh vực then chốt giai đoạn 2001- 2010”, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng cho rằng: “Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, cũng còn các hạn chế, yếu kém, đặc biệt là việc tổ chức thực hiện các khâu đột phá vẫn thiên về hướng tiệm tiến, chưa thực sự quyết liệt và thiếu đồng bộ...” (*Thủ tướng nêu nhiệm vụ của Chính phủ nhiệm kỳ mới*, 2011). Đó là một thực tế, nhưng dường như căn nguyên của những hạn chế, yếu kém đó lại liên quan đến tư duy và quan điểm về một số vấn đề trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chẳng hạn, các vấn đề về sở hữu, về thành phần kinh tế, đặc biệt là về vai trò của thành phần kinh tế nhà nước và của doanh nghiệp nhà nước, chưa được làm rõ và chưa có sự đồng thuận, nên “việc tổ chức thực hiện vẫn thiên về hướng tiệm tiến, chưa thực sự quyết liệt và thiếu đồng bộ” là điều không tránh khỏi. Hệ lụy tất yếu là các điểm nghẽn phát triển ngày càng chật hơn và trở nên khó gỡ hơn.

Từ thực tế đó, ngoài việc bảo đảm các nguồn lực cần thiết, có một tổ chức đủ năng lực và quyết tâm, *việc tiếp tục đổi mới tư duy, trong đó có cả những đột phá về tư duy, được coi là điều kiện tiên đề* để thực hiện có kết quả các trọng tâm của ba đột phá chiến lược giai đoạn 2011- 2020. Ý nghĩa điều kiện tiên đề này thể hiện ở chỗ: các phương hướng, giải pháp và tổ chức thực hiện sẽ chỉ có thể mang lại kết quả mong muốn khi dựa trên nền tảng tư duy mới, thoát khỏi ảnh hưởng và ràng buộc của tư duy cũ.

Trong khâu đột phá về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN”, việc đặt trọng tâm vào “*Tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng*” là hợp lý không phải chỉ vì yêu cầu bức xúc giải quyết tình trạng bất bình đẳng đã tồn tại từ nhiều năm nay, mà chủ yếu là vì để thực hiện điều này đòi hỏi phải có sự thay đổi căn bản trong cơ chế chính sách của Nhà nước và trong hành xử của các cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, sẽ không thể tạo lập được môi trường cạnh tranh bình đẳng nếu vẫn giải quyết vấn đề trên nền tảng luận điểm về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và luận điểm về vai trò của doanh

nh nghiệp nhà nước “giữ vững vai trò nòng cốt, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô” (*Thông báo Hội nghị Trung ương 6 khóa XI*, 2012). Đó là vì:

- Đặt trong các điều kiện của thời kỳ quá độ lên CHXH, khi các yếu tố của quan hệ sản xuất XHCN đang trong quá trình hình thành, khi yêu cầu huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển lực lượng sản xuất là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, thì kinh tế nhà nước chưa đủ lớn mạnh để có thể đóng được vai trò chủ đạo. Mặt khác, xác định vai trò này cho kinh tế nhà nước là không đồng thuận với luận điểm “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011).

- Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, công cụ chủ yếu của Nhà nước để điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô là hệ thống luật pháp; các công cụ chính sách mà Nhà nước sử dụng (thuế, tài chính, tiền tệ, kế hoạch...) cũng phải được pháp luật hóa. Công cụ vật chất mà Nhà nước có thể sử dụng để thực hiện vai trò, chức năng của mình là lực lượng dự trữ quốc gia, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội... Việc coi doanh nghiệp nhà nước là công cụ vật chất để Nhà nước điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô là trái với nguyên lý xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, tạo ra những khó khăn khi đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Điều này lại liên quan đến phạm vi phát triển các doanh nghiệp nhà nước: chỉ nên tập trung vào những lĩnh vực liên quan đến an ninh- quốc phòng hoặc cung cấp hàng hóa đặc biệt cho nền kinh tế, các lĩnh vực thuộc độc quyền của Nhà nước.

Nếu nhận thức “vai trò chủ đạo” theo nghĩa định hướng phát triển các thành phần kinh tế, dẫn dắt và thúc đẩy các chủ thể kinh tế hoạt động theo mục tiêu phát triển chung của đất nước, thì vai trò ấy phải thuộc về Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, khi thực hiện chức năng quản lý vĩ mô nền kinh tế, Nhà nước phải thực hiện “vai trò kép”: *một mặt*, Nhà nước là người quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân; *mặt khác*, Nhà nước là chủ sở hữu của các doanh nghiệp nhà nước. Trong điều kiện ấy, vấn đề mang tính nguyên tắc là Nhà nước phải đối xử bình đẳng với tất cả các doanh nghiệp không phân biệt loại hình tổ chức, thành phần kinh tế và hình thức sở hữu.

Việc *cải cách hành chính* không phải chỉ theo tu



duy hướng vào nghiên cứu giải quyết những công việc về ban hành hệ thống pháp luật, sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước,... mà chủ yếu là phải dựa trên nền tảng tư duy đổi mới vai trò và chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hướng tới xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của dân, do dân và vì dân. Tư duy đó liên quan đến cách tiếp cận và xử lý mối quan hệ Nhà nước – Công dân – Doanh nghiệp – Thị trường, trong đó Nhà nước phải chuyển từ vai trò Nhà nước “cai trị”, Nhà nước điều hành trực tiếp các hoạt động kinh tế- xã hội sang vai trò Nhà nước “phục vụ”, Nhà nước kiến tạo phát triển. Theo đó, chức năng của Nhà nước là: định hướng phát triển kinh tế- xã hội; tạo lập môi trường thuận lợi để huy động các nguồn lực vào việc thực hiện định hướng ấy; kiểm tra và giám sát hoạt động của các chủ thể, điều chỉnh sai lệch, hướng sự nỗ lực của cả cộng đồng xã hội để thực hiện phát triển bền vững đất nước. Nền hành chính nhà nước đó phải là nền hành chính phục vụ và điều cơ bản cần thay đổi là thực sự định hướng phục vụ công dân và cộng đồng doanh nghiệp, lấy mức độ hài lòng của họ làm cơ sở đánh giá hiệu quả của cải cách hành chính.

Trong cải cách hành chính, không những cần đổi mới tư duy về tiếp cận xác định các nội dung, mà còn phải có tư duy về tạo động lực của quá trình này, nghĩa là xác định những yếu tố gây sức ép và thúc đẩy cải cách nền hành chính nhà nước. Giải quyết vấn đề này sẽ góp phần tháo gỡ tình trạng cải cách hành chính chậm chạp, nhiều vấn đề bức xúc không những chưa được giải quyết cơ bản, mà có xu hướng ngày càng trầm trọng.

Động lực bên ngoài thúc đẩy cải cách nền hành chính nhà nước được tạo nên từ áp lực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; phải tuân thủ các thông lệ và các cam kết quốc tế đã tham gia; là một trong những yếu tố tạo nên năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo lòng tin với các tổ chức và các nhà đầu tư nước ngoài; bảo đảm đất nước phát triển đồng đều với xu thế chung của thế giới.

Động lực bên trong thúc đẩy quá trình này là yêu cầu thực sự đề cao quyền làm chủ của người dân, xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Theo đó, phải khơi gợi và bảo đảm một cách thực chất quyền của người dân trong giám sát hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Chỉ khi nào mỗi người dân ý thức đầy đủ quyền của mình và cơ quan quản lý nhà nước ý thức được đầy đủ đòi hỏi bức xúc của người dân mới có thể tạo ra áp lực mạnh thúc đẩy thực hiện cải cách hành chính một

cách thực chất và hiệu quả.

Theo những yếu tố trên đây, đất nước và mỗi người dân sẽ được hưởng lợi từ cải cách nền hành chính. Tuy nhiên, quá trình này lại không thể thực hiện xuôn xẻ nếu cán bộ, công chức trong bộ máy quản lý nhà nước không tìm thấy lợi ích thiết thân trực tiếp của họ. Bởi vậy, việc tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, công chức là điều phải được quan tâm thỏa đáng. Cùng với việc quy định rõ ràng trách nhiệm, bổn phận với từng chức danh, giáo dục đạo đức công vụ, cần chú trọng tới chế độ thù lao lao động thỏa đáng, đánh giá kết quả làm việc khách quan và công bằng, chế độ thưởng phạt hợp lý, cũng như tạo môi trường, điều kiện, phương tiện và cách thức làm việc, cơ hội thăng tiến cho cán bộ, công chức trong thực thi công vụ.

Với *phát triển nguồn nhân lực*, có mấy vấn đề về tư duy và nhận thức được đặt ra:

*Thứ nhất*, không thể nhận thức yêu cầu “phát triển nhanh nguồn nhân lực” theo nghĩa tăng nhanh về số lượng, mà điều quan trọng là: gắn phát triển nguồn nhân lực với nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng; khắc phục từng bước tình trạng bất hợp lý trong cơ cấu nhân lực cả về ngành nghề và trình độ đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng toàn diện của nhân lực.

*Thứ hai*, nhận thức vai trò của nguồn nhân lực không phải chỉ trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung như đã được khẳng định, mà còn là trong mối quan hệ với các đột phá chiến lược khác. Trong mối quan hệ này, đột phá về phát triển nguồn nhân lực có vai trò chi phối và là điều kiện tiền đề cho việc thực hiện các đột phá chiến lược về thể chế kinh tế và về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, bởi lẽ chính con người thiết lập và thực thi thể chế kinh tế, tạo lập môi trường, xây dựng và vận hành bộ máy quản lý hành chính, quy hoạch và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, thậm chí cả với phát triển nguồn nhân lực.

Trong quá trình thực hiện đột phá chiến lược này, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực nói chung, cần chú ý thỏa đáng việc nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới và bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp chiến lược và cấp hoạch định chính sách ở tầm quốc gia - đội ngũ đóng vai trò đầu tàu và chi phối các loại nhân lực khác. Vấn đề chủ yếu cần giải quyết là xác định nội dung và tổ chức đào tạo bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả, tránh hình thức và giáo điều.

*Thứ ba*, thống nhất tư duy và nhận thức về phạm vi của “nền giáo dục quốc dân”. Nền giáo dục này không phải chỉ giới hạn trong hệ thống giáo dục với



các cấp học khác nhau (giáo dục trong nhà trường – trường học), mà còn là giáo dục trong xã hội (giáo dục ngoài nhà trường– trường đời). Hai bộ phận cấu thành của nền giáo dục quốc dân này có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau: giáo dục ngoài nhà trường tạo tiền đề cho giáo dục trong trường học; chất lượng giáo dục trong trường học không chỉ phát huy các giá trị tốt đẹp của giáo dục trong trường đời, mà còn mở rộng và nâng cao các giá trị ấy. Mỗi người có thể tìm cách thỏa mãn nhu cầu học tập của mình không phải chỉ trong trường học, mà còn trong cả trường đời; trường học và trường đời có vai trò bổ sung nhau trong việc thỏa mãn nhu cầu này.

Từ tư duy và nhận thức ấy đặt ra hai vấn đề liên quan đến nội dung trọng tâm của đột phá về phát triển nguồn nhân lực:

(i) Việc thực hiện nhiệm vụ “Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân” không phải đặt ra với các nhà hoạch định đường lối và chính sách, trong đó có các nhà quản lý giáo dục, mà là với toàn xã hội về sứ mệnh của nền giáo dục là đào tạo. Thiết nghĩ, trong việc thực hiện nhiệm vụ này, không nên mất thời gian xác định triết lý và mục tiêu của phát triển giáo dục Việt Nam, mà có thể tham khảo, vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam về quan điểm của UNESCO về “Bốn trụ cột của giáo dục trong Thế kỷ XXI” của UNESCO và về kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới<sup>4</sup>.

(ii) Thay đổi nhận thức về mối quan hệ giữa giáo dục và bằng cấp. Ở Việt Nam, tư tưởng “trọng bằng cấp” còn chi phối nặng nề trong toàn xã hội. Từ đó, mỗi người cố gắng theo học những khóa đào tạo khác nhau để có được một bằng cấp nào đó, bằng cấp càng cao càng tốt. Điều đó sẽ là hợp lý và đáng khích lệ, nếu cùng với việc phấn đấu đạt được mục tiêu đó, họ thực sự có khát vọng tiếp nhận tri thức mới thiết thực với công việc hiện tại hoặc tương lai của mình. Nhưng sẽ là đáng phê phán khi coi bằng cấp là phương tiện tiến thân, thậm chí như một thứ hàng trang sức, và tìm mọi cách để có được bằng cấp mong muốn. Thật ra, bằng cấp là một loại chứng chỉ về trình độ giáo dục nhận được trong nhà trường, chứng chỉ ấy chưa hẳn đã thể hiện được đầy đủ trình độ kiến thức và năng lực của mỗi người. Do vậy, chỉ khi nào xã hội đồng thuận với mục tiêu của giáo dục là cung cấp tri thức mới, nâng cao năng lực và kỹ năng để làm việc có hiệu quả hơn, mới có thể xây dựng được “xã hội học tập” và chất lượng giáo dục mới được bảo đảm thực sự.

Với khâu đột phá *xây dựng hệ thống hạ tầng*, khó khăn lớn chính là mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo đảm “đồng bộ” với nguồn lực đang rất hạn chế. Trong

điều kiện đó, việc đặt trọng tâm vào “Hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị” là hợp lý. Đến lượt mình, việc thực hiện trọng tâm này lại phải có sự thay đổi tư duy trong các khâu quy hoạch, lựa chọn các ưu tiên, đến phương thức huy động các nguồn lực và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

Trong xây dựng và phê duyệt quy hoạch hệ thống giao thông, cần tránh hai khuynh hướng: (i) Đưa ra định hướng phát triển mạng lưới giao thông mang tính chủ quan, thoát ly điều kiện thực tế (nguyên nhân của nhiều quy hoạch treo); (ii) Tư tưởng cục bộ địa phương (một dạng của lợi ích nhóm). Trong điều kiện nguồn lực có hạn, xây dựng quy hoạch hệ thống giao thông không thể dàn trải cho tất cả các loại giao thông và cho tất cả các vùng (các địa phương) mà phải tập trung vào những trọng tâm nhất định và giành ưu tiên nguồn lực cho những trọng tâm ấy để có thể phát huy tác động mạnh và nhanh nhất đến giải tỏa điểm nghẽn vận tải. Trong giai đoạn này, những trọng tâm có thể là: nâng cấp tuyến đường trục Bắc- Nam (đường bộ và đường sắt); hệ thống giao thông ở các vùng kinh tế trọng điểm có vai trò của các cực tăng trưởng (gồm cả đường bộ, cảng biển và cảng hàng không) và kết nối giữa các vùng kinh tế trọng điểm ấy; hệ thống giao thông và cấp thoát nước ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho phát triển hệ thống hạ tầng giao thông là chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay là quán triệt và cụ thể hóa chủ trương này trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể và bảo đảm môi trường ổn định để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển hệ thống giao thông. Trước mắt, cần chú trọng các văn bản pháp quy liên quan đến mô hình hợp tác công tư (PPP) và các hình thức Xây dựng– Khai thác– Chuyển giao (BOT) và Xây dựng– Chuyển giao (BT) trong xây dựng công trình giao thông.

Trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, cùng với việc tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn đúng các nhà thầu có đủ năng lực thực hiện yêu cầu thi công công trình, cần tăng cường công tác giám sát quá trình thi công, kiên quyết xử phạt và loại bỏ các nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu của hợp đồng đã ký kết. □



**Chú thích:**

1. Ban hành theo Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Kiểm tra xử lý văn bản pháp luật năm 2012 của Bộ Tư pháp đã phát hiện trên 10.000 văn bản của các bộ, ngành và địa phương có dấu hiệu vi phạm các điều kiện về tính hợp pháp,... nhưng chưa được các cơ quan ban hành văn bản xử lý (*Chất vấn Bộ trưởng Tư pháp, TN-MT tại Thường vụ Quốc hội*, 2013).
3. Trong các năm 2009 – 2011, vốn đầu tư cho giao thông vận tải là 184.324 tỷ đồng, trong đó của trung ương chiếm 61%, của địa phương chiếm 39%. Trong phần vốn của trung ương, vốn từ ngân sách nhà nước chiếm 35,6%, vốn Trái phiếu Chính phủ chiếm 40,0% và vốn ngoài ngân sách chiếm 24,4%. Trong 3 năm này, vốn đầu tư cho giao thông vận tải tính bình quân bằng 3,1% GDP, trong khi giai đoạn 2000– 2006 chỉ chiếm 2,8% GDP (*Báo cáo điều chỉnh Chiến lược phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, 2013).
4. “Giáo dục phải được tổ chức xoay quanh bốn loại hình cơ bản mà trong một cuộc đời mỗi con người chúng sẽ là những trụ cột của kiến thức: Học để biết là nắm những công cụ để hiểu; Học để làm là phải có những khả năng hoạt động sáng tạo tác động vào môi trường sống của mình; Học để cùng chung sống là tham gia và hợp tác với những người khác trong mọi hoạt động của con người; Học để làm người là sự tiến triển quan trọng nảy sinh từ ba loại hình trên”.

**Tài liệu tham khảo:**

Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia.

*Thông báo Hội nghị Trung ương 6 khóa XI* (2012), từ <<http://baodientu.chinhphu.vn/home/thong-bao-hoi-nghi-trung-uong-6-khoa-xi/201210/151596.vgp>>

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2013), *Báo cáo xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2012*.

*Chất vấn Bộ trưởng Tư pháp, TN-MT tại Thường vụ Quốc hội* (2013), từ <<http://dantri.com.vn/chinh-tri/chat-van-bo-truong-tu-phap-tnmt-tai-thuong-vu-quoc-hoi-766294.htm>>.

*Báo cáo điều chỉnh Chiến lược phát triển GTVT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, (2013), từ <<http://www.mt.gov.vn/Default.aspx?tabid=27&catid=203&articleid=16983>>.

*Thủ tướng nêu nhiệm vụ của Chính phủ nhiệm kỳ mới* (2011), từ <<http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-neu-nhiem-vu-cua-Chinh-phu-nhiem-ky-moi/20117/93873.vgp>>.

**Some issues on the three strategic breakthroughs for the period 2011-2020**

*Abstract:*

*In the report of social economic development 2001-2010, the Eleventh Vietnam Communist Party Congress (2011) has stated: “The market economy institution, human resource quality and infrastructure remain factors hindering the development”. The Congress has identified the three strategic breakthroughs for the period 2011 - 2020 as follows: (i) Improving socialist-oriented market economy institution, focusing on creating equal competition environment and administration reform; (ii) Promoting high quality human resource, renovating the national education system, closely linking human resource with technology application; (iii) Developing comprehensive infrastructure, focusing on transportation system and large scale urban infrastructure.*

*There exist different opinions evaluating the two and a half years of implementation of the strategy. Some state that the strategic breakthroughs have been deployed proactively and have obtained some initial results. Some others give conclusion that the three strategic breakthroughs are still in the starting stage with many shortcomings. This paper summarizes the performance of the three strategic breakthroughs in the last two and a half years, providing reviews and useful recommendations.*

**Thông tin tác giả:**

**\*Nguyễn Kế Tuấn**, Giáo sư, Tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế công nghiệp, Giảng viên cao cấp, thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển và Quản trị kinh doanh.

- Các tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: tạp chí Kinh tế và Phát triển; tạp chí Nghiên cứu kinh tế; tạp chí Cộng sản; tạp chí Công nghiệp; tạp chí Quản lý và Phát triển, Vietnam Economic Review...

Email: [tuan\\_nguyenke@yahoo.com](mailto:tuan_nguyenke@yahoo.com)